

CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ VÀ YÊU CẦU ĐẶT RA VỚI MÔ HÌNH QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Xuân Dũng

Viện Kinh tế Việt Nam

Email: dungkhxh@gmail.com

Bùi Kim Thanh

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Email: buikimthanh1288@gmail.com

Ngày nhận: 14/8/2017

Ngày nhận bản sửa: 8/9/2017

Ngày duyệt đăng: 25/11/2017

Tóm tắt:

So với các cuộc cách mạng công nghiệp mà thế giới đã trải qua, điểm khác biệt của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là những thay đổi xã hội diễn ra nhanh chóng, sâu sắc và trên diện rộng. Trong phạm vi bài viết, nhóm tác giả tập trung nghiên cứu nội dung, tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến phát triển kinh tế – xã hội và những yêu cầu đặt ra đối với mô hình quản lý phát triển xã hội của Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, mô hình quản lý phát triển xã hội, mô hình phát triển xã hội.

The Fourth Industrial Revolution and Requirements for Vietnam Social Development Model

Abstract:

Comparing with the industrial revolutions worldwide in the past, the differences of the fourth industrial revolution are the fast, profound and wide-ranging social changes. This paper focuses on the content, impact of the fourth industrial revolution on socio-economic development, and requirements for the social development management model of Vietnam today.

Keywords: Fourth industrial revolution; social development management model; social development model.

1. Đặt vấn đề

Mỗi thời đại kinh tế được phân định với thời đại kinh tế khác không phải ở chỗ sản xuất ra cái gì mà là sản xuất bằng cái gì và như thế nào? Luận điểm trên của Karl Marx ngày càng được lịch sử kiểm nghiệm và chứng minh giá trị bền vững về mặt phương pháp luận. Với các tư liệu sản xuất mới và cách thức tổ chức, quản lý sản xuất mới do cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra, thế giới hiện đại từ thập kỷ thứ nhất của thế kỷ XXI đã có những bước đi đầu tiên vào một thời đại kinh tế mới: kinh tế tri thức, số

hóa, tự động hóa và toàn cầu hóa cao độ. Công nghệ mới không chỉ tác động về sản xuất, mà còn ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống xã hội, lao động, việc làm, an ninh, chính trị... Các chuyên gia của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) khuyến nghị các nước đang phát triển cần đầu tư cho khoa học và công nghệ, tạo môi trường kinh doanh năng động để thúc đẩy lan tỏa công nghệ, cải cách thị trường lao động, hệ thống giáo dục – đào tạo. Và nhấn mạnh đến các chính sách về đào tạo, nâng cao kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực để thích ứng với biến đổi nhanh của công nghệ và sự phát triển của cách mạng

công nghiệp mới.

Với sức lan tỏa của “làn sóng” công nghệ, các quốc gia đang chạy đua để chiếm lĩnh lợi thế. Nhiều nước từ lâu đã bắt đầu triển khai các giải pháp trong thực tế để hỗ trợ cho cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ví dụ: Mỹ đầu tư khoảng 3 tỷ đô la Mỹ (USD)/năm để mở rộng nghiên cứu và phát triển (R&D) về quy trình sản xuất tiên tiến, vật liệu công nghiệp mới hay khoa học người máy. Hay như Đức đang theo đuổi chiến lược “Industrie 4.0” (công nghiệp 4.0), là tầm nhìn tương lai của ngành công nghiệp, nơi các nhà máy thông minh sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông để số hóa toàn bộ quy trình sản xuất.

Ở Việt Nam, tình hình nghiên cứu và phát triển công nghệ đáp ứng đòi hỏi của nền công nghiệp 4.0 tuy được Đảng, Nhà nước quan tâm, nhưng bước đi thực tế còn hết sức sơ khai. Nhìn lại bốn cuộc cách mạng công nghiệp, cách mạng khoa học kỹ thuật của thế giới, Việt Nam gần như đứng ngoài 2 cuộc đầu tiên, và trong 2-3 thập kỷ vừa qua Việt Nam đã có những bước hội nhập vào cuộc thứ ba. Tuy nhiên, bên cạnh một số kết quả và lợi thế, nhìn chung Việt Nam có ít kinh nghiệm, tiền đề và nguồn lực để đón nhận, tận dụng, phát triển các cuộc cách mạng công nghiệp, nếu so sánh với các nước trong khu vực và trên thế giới. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra nhiều cơ hội và không ít thách thức về nhiều mặt đối với các quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển như Việt Nam. Với cuộc cách mạng này, nếu Việt Nam có một mô hình quản lý phát triển xã hội đúng, khai thác và phát huy được nguồn nội lực, thì đó sẽ là cơ sở cho những thành công của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức ở nước ta.

2. Khái quát về cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Thế giới đã chứng kiến 3 cuộc cách mạng công nghiệp và hiện đang bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với những thay đổi dựa trên tiến bộ về công nghệ số, công nghệ thông tin, công nghệ nano, những lĩnh vực cần có nền tảng chuyên sâu... Đối với từng cuộc cách mạng, thế giới đón nhận thêm nhiều cơ hội mới, nhưng thách thức cũng không ít. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, lần đầu tiên được đề cập tại hội chợ Hannover năm 2011, hướng đến mục tiêu nâng cao nền công nghiệp cơ khí truyền thống nước Đức. Tuy nhiên, trong thực tế, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã diễn ra

từ những năm 2000 có tên gọi “cuộc cách mạng số” với các công nghệ như Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR), tương tác thực tại ảo (AR), mạng xã hội, điện toán đám mây, di động...

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là một cụm thuật ngữ chỉ sự tích hợp các công nghệ mới và sự cách mạng hóa việc tổ chức các chuỗi giá trị toàn cầu đi cùng với các hệ thống vật lý trong không gian ảo, Internet của vạn vật và Internet của các dịch vụ. Bản chất của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là dựa trên nền tảng công nghệ số, tích hợp tất cả các công nghệ thông minh để tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất; nhấn mạnh những công nghệ đang và sẽ có tác động lớn nhất là công nghệ in 3D, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa, người máy,... Vì lẽ đó, cuộc Cách mạng này đã và sẽ hình thành những công nghệ giúp xóa nhòa ranh giới giữa lĩnh vực vật lý, số hóa và sinh học cả trong đời sống, sản xuất. Bề rộng và chiều sâu của những thay đổi này tạo nên sự biến đổi của toàn bộ các hệ thống sản xuất, quản lý và quản trị. Giáo sư Klaus Schwab, người Đức, chủ tịch Diễn đàn Kinh tế thế giới Davos, người đã đưa ra khái niệm cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khẳng định: “Chúng ta đang ở thời điểm bắt đầu của một cuộc cách mạng làm thay đổi căn bản cách mà chúng ta sống, làm việc và quan hệ với nhau. Xét về quy mô, phạm vi và tính phức tạp, điều mà tôi gọi là cách mạng công nghiệp lần thứ tư không giống với bất kỳ điều gì mà con người từng trải qua” (Schwab, 2016, 1).

Thứ nhất, xét trên khía cạnh kinh tế, cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tác động mạnh mẽ đến sản xuất, thúc đẩy nền kinh tế thế giới chuyển sang kinh tế tri thức – “thông minh”. Các thành tựu mới của khoa học – công nghệ được ứng dụng để tối ưu hóa quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng và quản lý, quản trị... Từ góc độ tiêu dùng, người dân được hưởng lợi nhờ tiếp cận được nhiều sản phẩm và dịch vụ mới có chất lượng với chi phí thấp hơn¹. Từ góc độ sản xuất, trong dài hạn, cách mạng công nghiệp lần thứ tư có tác động tích cực. Với việc tăng cường tự động hóa và ứng dụng số hóa trong quá trình sản xuất, tài nguyên thiên nhiên, lao động phổ thông ngày càng mất dần lợi thế. Sản xuất chuyển dịch dần sang những nước có nhiều trung tâm nghiên cứu, phát triển, nhiều lao động có kỹ năng, chuyên môn cao và gần thị trường tiêu thụ. Tuy nhiên, cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng

tạo ra những thách thức liên quan đến chi phí điều chỉnh trong ngắn đến trung hạn do tác động không đồng đều đến các ngành: có ngành sẽ tăng trưởng mạnh và có ngành sẽ thu hẹp thị phần.

Thứ hai, xét ở khía cạnh xã hội, cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động đến xã hội thông qua kênh việc làm trong trung hạn là điều đáng quan ngại nhất hiện nay. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ cấu trúc lại cơ cấu việc làm và nghề nghiệp của các nước, song với tốc độ, quy mô và hướng tác động khác nhau tùy thuộc vào đặc điểm cụ thể của nền sản xuất, trình độ phát triển của mỗi nước. Nhìn chung, các nước phát triển sẽ đối diện với sự chuyển đổi về việc làm có tính đứt gãy (disruptions) sớm hơn do trình độ sử dụng công nghệ cao hơn và thay đổi công nghệ trong nền sản xuất nhanh hơn. Các nước thu nhập trung bình và thu nhập thấp sẽ có nhiều xáo trộn về việc làm trong tương lai xa do tốc độ áp dụng công nghệ cao chậm hơn, và sẽ có nhiều thời gian cho việc chuẩn bị về chính sách và giải pháp hơn. Song, các chính phủ cần hành động tích cực ngay từ bây giờ để giảm thiểu tác động tiêu cực của sự phân hóa việc làm và thu nhập dưới tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư (World Bank Group, 2016b).

Trong cuộc cách mạng này, thị trường lao động sẽ bị thách thức nghiêm trọng giữa chất lượng cung, cầu cũng như cơ cấu lao động. Khi tự động hóa thay thế con người trong nhiều lĩnh vực của nền kinh tế, người lao động chắc chắn sẽ phải thích ứng nhanh với sự thay đổi của sản xuất vì nếu không sẽ bị đào thải và thất nghiệp. Theo dự báo, trong một số lĩnh vực, với sự xuất hiện của robot, số lượng nhân viên sẽ giảm đi mạnh mẽ so với hiện nay. Hàng loạt lĩnh vực cũ sẽ mất đi và thay thế vào đó là những lĩnh vực mới. Thị trường lao động trong nước và quốc tế sẽ phân hóa mạnh mẽ giữa nhóm lao động có kỹ năng thấp và nhóm lao động có kỹ năng cao. Ước tính có khoảng 2/3 số việc làm hiện nay ở các nước đang phát triển có nguy cơ bị tự động hóa thay thế; tỷ lệ số việc làm có nguy cơ bị tự động hóa thay thế tính cho Campuchia là khoảng hơn 40%, Malaysia khoảng 50%, Thái Lan hơn 50%, và Trung Quốc gần 60% (World Bank Group, 2016b, 129).

Do tác động riêng có, cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ làm khuếch đại thêm xu hướng bất bình đẳng về thu nhập. Lợi suất của kỹ năng, đặc biệt là các kỹ năng thúc đẩy hay hỗ trợ quá trình số hóa,

tự động hóa (bằng người máy hay bằng phần mềm sử dụng trí tuệ nhân tạo có khả năng tự học) cũng tăng mạnh. Trong khi đó, lợi suất của kỹ năng giản đơn, kỹ năng dễ bị thay thế giảm. Đây là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự gia tăng bất bình đẳng trên toàn cầu, làm tăng thêm chênh lệch về thu nhập và tài sản giữa một bên là lao động ít kỹ năng hay kỹ năng dễ bị thay thế và bên kia là những người có ý tưởng hay kỹ năng hỗ trợ cho quá trình tự động hóa và số hóa đang diễn ra với tốc độ nhanh. Bằng chứng ở nhiều nước trên thế giới cho thấy người nghèo, người sống ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, phụ nữ, người cao tuổi, và người khuyết tật là những nhóm dễ bị tổn thương trong sự phân hóa về tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin số hóa (World Bank Group, 2016b).

Như vậy, ở những nước tư bản phát triển nhất đang diễn ra một mâu thuẫn mang tính nền tảng của kinh tế thị trường: dưới tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cung gia tăng mạnh mẽ trong khi cầu không theo kịp; phổ thu nhập ở nhiều nước mang tính lưỡng cực với sự phân hóa rất rõ nét, tạo nên một khoảng trống lớn ở giữa. Đây cũng là mâu thuẫn đã được Karl Marx chỉ ra giữa sự phát triển lực lượng sản xuất ở mức cao và phương thức phân phối của chủ nghĩa tư bản. Điều này dẫn đến việc một số nhà kinh tế nổi tiếng của thế giới như Dani Rodrik kêu gọi các nước tư bản chủ nghĩa phải thực hiện thay đổi căn bản lần thứ hai, với việc đưa vào mô hình “Nhà nước sáng tạo” sau lần thay đổi thứ nhất với sự ra đời của Nhà nước phúc lợi dưới tác động của cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân (Dani Rodrik, 2015). Một số chuyên gia khác đề xuất một cơ chế mà theo đó người máy thông qua chủ phải đóng thuế thu nhập và đóng bảo hiểm xã hội để dùng tiền đó đào tạo lại và hỗ trợ cho những công nhân bị thay thế...

3. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư – tác động và những điều chỉnh cần có trong mô hình phát triển xã hội của Việt Nam

Mặc dù vẫn còn những tranh luận khác nhau, song nhiều ý kiến thừa nhận rằng Việt Nam đang theo đuổi mô hình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều này được thừa nhận trong các văn kiện, nghị quyết Đại hội của Đảng: Đại hội VII (1991) lần đầu tiên đưa ra công thức “Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ

chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước” (Đảng cộng sản Việt Nam, 1991); Đại hội VII (1996) điều chỉnh thành “Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa” (Đảng cộng sản Việt Nam, 1996); đến Đại hội IX (2001) mô hình phát triển kinh tế – xã hội của Việt Nam được điều chỉnh thành “Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” và xem đây là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên Chủ nghĩa xã hội (Đảng cộng sản Việt Nam, 2001). Trong mô hình này, cơ chế thị trường – thành quả của văn minh nhân loại, được xác định nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; đồng thời, đề cao vai trò quản lý, điều tiết vĩ mô của Nhà nước nhằm thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Qua hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, mô hình, đường hướng phát triển của Việt Nam luôn được thể hiện rõ nét trong chủ trương, chính sách và thực tiễn phát triển kinh tế – xã hội đất nước, ở một số khía cạnh chủ yếu sau: (i) Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là mục tiêu phát triển; (ii) Phát triển nền kinh tế thị trường; (iii) Phát triển bền vững đất nước với 3 trụ cột cơ bản là “Tăng trưởng kinh tế nhanh”, “xã hội ổn định, tiến bộ” và “môi trường trong sạch”; (iv) Khoa học công nghệ, cùng với giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu; (v) Đổi mới và hội nhập – Phát huy nội lực là chính, ra sức tranh thủ ngoại lực, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Thực tiễn đã chứng minh rằng, ở thời điểm đầu thực hiện công cuộc đổi mới, nhờ có một mô hình phát triển hợp lý, khai thác và phát huy tốt nguồn lực mà Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng về phát triển kinh tế – xã hội, đưa đất nước thoát khỏi nhóm nước có thu nhập thấp để bắt đầu trở thành nước có thu nhập trung bình (loại thấp) trên thế giới, vị thế trong khu vực và thế giới được nâng cao, đời sống nhân dân được cải thiện... Tuy nhiên, chính việc dừng lại quá lâu ở phát triển theo chiều rộng, thiếu tầm nhìn toàn diện và dài hạn, hay việc không chấn hưng, cải cách được khoa học, giáo dục... khiến Việt Nam có nguy cơ bị tụt hậu trong quá trình phát triển. Điều này đặt ra yêu cầu phải tái cơ cấu, điều chỉnh mô hình phát triển, đặc biệt trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

hiện nay. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có cả tác động tích cực và tác động tiêu cực đến Việt Nam. Việc tiếp cận thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tạo ra công cụ đắc lực giúp Việt Nam tham gia hiệu quả chuỗi giá trị toàn cầu và đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng đặt ra nhiều thách thức mới đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, đáng chú ý là: thách thức tụt hậu xa hơn, lao động chi phí thấp mất dần lợi thế, phân hóa xã hội sâu sắc hơn,...

Xét ở khía cạnh kinh tế: Hiện nay, lợi thế so sánh của Việt Nam trong thương mại quốc tế chủ yếu là lợi thế tĩnh (hay còn gọi lợi thế cấp thấp – vốn, tài nguyên thiên nhiên và lao động giá rẻ). So với các nước ASEAN, hoạt động thương mại và đầu tư của Việt Nam vẫn ở trình độ thấp. Đa số doanh nghiệp Việt Nam đang sử dụng công nghệ của những năm 80 của thế kỷ XX, trong đó 52% đang sử dụng thiết bị lạc hậu, 38% sử dụng thiết bị trung bình, chỉ 10% là thiết bị hiện đại (Hải Bình, 2016). Chi phí đầu tư cho đổi mới khoa học công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam chiếm chưa đến 0,3% doanh thu (tại Ấn Độ tỷ lệ này là 5%, Hàn Quốc là 10%, Nhật Bản là 50%). Việc liên kết theo chuỗi giá trị giữa các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài còn ở mức độ thấp, việc xây dựng thương hiệu chưa được chú trọng... Như đã phân tích, dưới tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, năng lực cạnh tranh quốc gia dựa trên lợi thế so sánh là ý tưởng, sáng tạo và lao động có kỹ năng cao. Tuy nhiên, theo báo cáo của World Bank năm 2016, chỉ số cạnh tranh nguồn nhân lực của Việt Nam hiện mới chỉ đạt 3,39 trên 10 điểm. Đây là dấu hiệu cho thấy Việt Nam đang thiếu lao động có trình độ tay nghề, công nhân kỹ thuật bậc cao. Trong tổng số hơn 53,4 triệu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc, chỉ có khoảng 49% qua đào tạo, trong đó qua đào tạo nghề từ 3 tháng trở lên chỉ chiếm khoảng 19%. (World Bank Group, 2016a). Điều đó có nghĩa, lợi thế nguồn nhân lực lớn hiện nay của Việt Nam rất có thể lại trở thành lực cản của quá trình phát triển trong tương lai, nếu tác động tiêu cực của cách mạng công nghiệp lần thứ tư không được chủ động hóa giải.

Trong điều kiện tương đồng về cấu tạo tài nguyên thì lợi thế dựa trên điều kiện sản xuất cấp thấp sẽ chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ – đây sẽ là một yếu thế của Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khi mà sản xuất thế giới sẽ dựa trên ý

tưởng sáng tạo và có xu hướng dịch chuyển gần về thị trường tiêu thụ. Muốn tận dụng cơ hội của cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại, trước hết cần đặt phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước vào dòng chảy của cuộc cách mạng này. Bài toán đặt ra ở đây là Việt Nam nên đầu tư, khai thác lĩnh vực/nguồn lực gì? Với điều kiện thực tế ở Việt Nam hiện nay, nên tận dụng khai thác lợi thế về trí tuệ, chất xám là đặc tính cần cù, nghị lực của người Việt Nam để hoàn thiện kiến thức, nâng cao tay nghề, trình độ ngoại ngữ... Với các doanh nghiệp, ở giai đoạn đầu, nên quan tâm đến ứng dụng công nghệ thông tin để đơn giản hóa những hoạt động của doanh nghiệp, số hóa quản trị, từ đó tiến đến thử nghiệm những công nghệ như điện toán đám mây, dữ liệu lớn... Bằng cách đó, các doanh nghiệp có thể cân đối nguồn lực, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh trong cách mạng công nghiệp lần thứ tư một cách hiệu quả, bền vững. Trong tương lai gần, cần thay đổi quan điểm phải đạt được tốc độ tăng trưởng nhanh bằng mọi giá theo mô hình tăng trưởng nhờ khai thác chiều rộng (vốn, tài nguyên, lao động giá rẻ – vốn đã rất thành công), chuyển dần sang mô hình tăng trưởng dựa vào hiệu quả và bền vững. Trong đó, xác định trọng số cho mô hình phát triển mới, không thể và chỉ mãi dựa trên lợi thế so sánh cấp thấp, mà nhanh chóng chuyển từ lợi thế so sánh cấp thấp sang lợi thế so sánh cao hơn; lấy nâng cao chất lượng, hiệu suất nguồn nhân lực là yếu tố then chốt, cốt lõi; chú trọng đầu tư để khoa học – công nghệ, cùng với giáo dục đào tạo thực sự là quốc sách hàng đầu trong chấn hưng đất nước.

Xét ở khía cạnh xã hội, cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tác động mạnh tới thị trường lao động nước ta và làm sâu sắc thêm những vấn đề xã hội nội tại của đất nước nếu không có những chính sách phát triển mang tính bao trùm, nhất quán lâu dài. Đối với Việt Nam, dự báo trong giai đoạn 2017-2025, lực lượng lao động tăng bình quân hằng năm 1,28%, tương ứng 723 nghìn người/năm. Quy mô lực lượng lao động tăng từ 55,54 triệu người (năm 2016) lên 62 triệu người (năm 2025). Để đáp ứng nhu cầu việc làm cho người lao động, hằng năm, nền kinh tế cần tạo thêm khoảng 650 nghìn việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động.

Tính đến tháng 12 năm 2016, trong tổng số 54,36 triệu lao động cả nước, chỉ có hơn 11,21 triệu qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (20,6%). Cơ cấu lao động qua đào tạo chưa phù hợp với nhu cầu thực tế,

chưa cân đối giữa các ngành đào tạo. Hơn nữa, với công nghệ đào tạo lạc hậu, chất lượng đào tạo thấp, kỹ năng nghề nghiệp của người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu hiện tại của các doanh nghiệp (công nghiệp 2.0, 3.0), nên càng không thể đáp ứng được yêu cầu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Lĩnh vực chế tạo, dệt may, giày dép là nhóm ngành mà Việt Nam sẽ phải chịu tác động mạnh nhất vì cơ chế lan truyền tác động của công nghệ trong kinh tế toàn cầu rất nhanh thông qua kênh xuất nhập khẩu và do những đột phá về công nghệ, đặc biệt là những tiến bộ vượt bậc trong tự động hóa và công nghệ in 3D đang làm đảo ngược dòng thương mại theo hướng bất lợi cho các nước như Việt Nam. Điều này khiến lao động trong các doanh nghiệp dệt may của Việt Nam bị kẹt giữa cuộc cạnh tranh khốc liệt trên toàn cầu, với một bên là nhân công rẻ hơn từ các nước Campuchia, Bangladesh, Myanmar... và bên kia là người máy đang được ứng dụng ngày một rộng rãi ở các nước phát triển và cả ở Trung Quốc, dẫn đến sự chuyển dịch của sản xuất trong phân khúc có giá trị cao hơn trở lại các nước phát triển và trở lại Trung Quốc.

Báo cáo của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) công bố tháng 7 năm 2016 (ILO, 2016) cho thấy dưới tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Việt Nam có đến 86% lao động trong các ngành dệt may và giày dép có nguy cơ thất nghiệp cao. Hiện có khoảng 2,3 triệu người, trong đó khoảng 78% lao động nữ làm việc trong ngành dệt may; giày dép là 0,98 triệu người, trong đó có khoảng 74% lao động nữ; lao động trong hai ngành chiếm 6,2% tổng lực lượng lao động và 13,7% việc làm phi nông nghiệp. Trong đó có nhiều lao động ít kỹ năng (tương ứng là 17% và 26% lao động dệt may và giày dép chỉ có trình độ tiểu học), và một tỷ lệ đáng kể không còn trẻ, từ 36 tuổi trở lên chiếm 35,84% đối với dệt may và 25,37% đối với giày dép. Đây là nhóm không dễ dàng tìm được việc làm thay thế ở trong khu vực chính thức. Điều này cho thấy quá trình điều chỉnh sẽ rất khó khăn và có thể làm đảo ngược quá trình chuyển dịch lao động ra khỏi nông nghiệp, tăng tỷ trọng của khu vực chính thức trong nền kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa đất nước. Mặt khác, dư thừa lao động do không đáp ứng được về kỹ năng sẽ dẫn đến tình trạng thất nghiệp, tạo ra sức ép về việc làm, phân hóa xã hội và hệ thống an sinh xã hội quốc gia...

Như vậy, trong điều kiện cách mạng công nghiệp

lần thứ tư với những tiến bộ vượt bậc của công nghệ, sự xuất hiện của robot,... mô hình phát triển dựa trên khai thác lợi thế lao động giá rẻ của Việt Nam đã đến lúc cần xem xét lại. Song hành với yêu cầu chủ động, quyết liệt trong nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trình độ khoa học và công nghệ, tăng năng suất lao động, hướng hoạt động của nền kinh tế theo các ngành, các lĩnh vực tạo ra nhiều giá trị gia tăng, mô hình phát triển xã hội của Việt Nam cần có những điều chỉnh hợp lý đảm bảo tính hỗ trợ và giảm thiểu những tác động bất lợi của cách mạng công nghiệp lần thứ tư lên thị trường lao động, đặc biệt là những đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội.

4. Gợi ý với Việt Nam

Mô hình phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội rất đa dạng, phong phú. Việc tìm kiếm mô hình, cách thức nào phải phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của mỗi quốc gia. Trong đó, yếu tố kinh tế có ý nghĩa quyết định, thể chế chính trị, nhận thức của các đảng cầm quyền có vai trò then chốt. Do vậy, mô hình và cách thức quản lý phát triển xã hội luôn có sự thay đổi trong mỗi giai đoạn phát triển của mỗi nước. Không có một mô hình phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội chung nhất cho các quốc gia. Với Việt Nam, mô hình quản lý phát triển xã hội hiện nay phải dựa trên nguyên tắc: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ. Vai trò tổ chức quản lý điều hành ở các cấp (Trung ương đến địa phương), các ngành, các lĩnh vực đều phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong quá trình nghiên cứu, phát triển, tìm hiểu kinh nghiệm các nước, có thể nghiên cứu, học tập, kế thừa những điểm tích cực trong các mô hình phát triển, quản lý phát triển xã hội, nhưng phải đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa nói chung của quốc gia và của

từng giai đoạn phát triển. Thực tiễn bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư đòi hỏi mô hình quản lý phát triển xã hội của Việt Nam cần chú ý một số vấn đề sau:

- Xác định khâu đột phá để tăng trưởng và phát triển kinh tế, trong đó đầu tư cho nhân lực, khoa học – công nghệ là những trọng số cần được lưu tâm. Tăng trưởng phải luôn gắn với phát triển, tiến bộ và công bằng xã hội.

- Nhanh chóng tận dụng những cơ hội và vượt lên những thách thức mới xuất hiện liên quan đến cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Có chính sách đúng cho phát triển khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của quốc gia, thời đại; đẩy mạnh hợp tác giữa khoa học – công nghệ với sản xuất, kinh doanh; khuyến khích tinh thần học tập suốt đời, học tập liên tục trên cơ sở tận dụng những công nghệ học tập mới dựa trên nền tảng Internet.

- Thiết lập hệ thống phúc lợi xã hội, bảo hiểm xã hội dựa trên cơ sở tăng trưởng và phát triển kinh tế nhằm bảo đảm quyền lợi sinh tồn và phát triển cho người dân, gắn công dân với nhà nước, gắn công dân với công dân. Qua đó, tạo động lực cho công dân và nhà nước phát triển, tạo sự hài hòa, đồng thuận, bền vững xã hội, giảm thiểu những tác động bất lợi của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến thị trường lao động Việt Nam trong trung hạn.

- Có chính sách và các quy định thu hút sự tham gia của Nhà nước, các doanh nghiệp, cộng đồng, người dân, các địa phương... trong thực hiện các mục tiêu phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội. Trong đó, nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng trong tạo nguồn lực, khơi dậy các nguồn lực, xây dựng hệ thống chính sách, luật pháp, cơ chế tham gia, phân biện xã hội hiệu quả từ phía cộng đồng, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và người dân...

1. Một ví dụ điển hình: Những điện thoại thông minh rẻ nhất, với mức giá 10 USD đã có mặt ở châu Phi và châu Á. Dự báo đến năm 2020, 70% nhân loại sẽ sở hữu điện thoại thông minh. Có một điểm quan trọng mà ít người chú ý đến là những chiếc điện thoại thông minh để vừa trong túi quần lại có tốc độ xử lý tương đương với các máy siêu tính lớn vài thập niên trước.

Tài liệu tham khảo:

- Dany Rodrik (2015), *From welfare state to innovation state*, from <<https://www.economics.utoronto.ca/gindart/2015-01-14%20From%20Welfare%20State%20to%20Innovation%20State.pdf>>.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 11 năm 2017, từ <<http://dangcongsan.vn/tu-licu-van-kien/van-kien-dang/van-kien-dai-hoi/khoa-vii/doc-01012201511363746.html>>.

- Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng*, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 11 năm 2017, từ <<http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/van-kien-dang/van-kien-dai-hoi/khoa-viii/doc-292420154134156.html>>.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng*, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 11 năm 2017, từ <<http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/van-kien-dang/van-kien-dai-hoi/khoa-ix/doc-592420154233656.html>>.
- Hải Bình (2016), *Trình độ công nghệ của doanh nghiệp nhỏ Việt Nam quá thấp*, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 10 năm 2017, từ <<http://baodauthau.vn/dau-tu/trinh-do-cong-nghe-cua-dn-nho-qua-thap-30243.html>>.
- ILO (2016), *ASEAN in transformation: How technology is changing jobs and enterprises – ASEAN*, Geneva: ILO.
- Schwab, Klaus (2016), *The Fourth Industrial Revolution*, World Economic Forum,
- World Bank Group (2016a), *Doing business report 2016*, Wahsington D.C.
- World Bank Group (2016b), *World development report 2016: Digital dividends*, Wahsington D.C.